

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2019.

Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Diễm

2. Ông Phạm Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2398/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2019, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông **Triệu Minh Q**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: A, Dương Quảng Hàm, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

** Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: V, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Q có đơn xin vắng mặt; bà H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Triệu Minh Q trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí

Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 244, Quyền số 02 ngày 28/12/2013). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một năm đầu thì xảy ra mâu thuẫn. Bà H làm việc tại TP. Biên Hòa thường không về thăm nhà và không có ý định vun đắp cuộc sống gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm. Kể từ năm 2015 đến nay thì ông và bà H sống ly thân với nhau, không ai chăm lo cuộc sống của ai. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H .

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng.

Việc tuân theo pháp luật của các bên đương sự: nguyên đơn thực hiện đúng; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: ông Triệu Minh Q và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận G , thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 244, Quyền số 02 ngày 28/12/2013), nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông Q là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q , giải quyết cho ông Q được ly hôn với bà H .

Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

- Về án phí HNGĐ-ST: Ông Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Triệu Minh Q xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H , địa chỉ cư trú tại: V, khu phố 1, phường T , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn ông Triệu Minh Q đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị H , mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Triệu Minh Q và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận G , thành phố Hồ Chí Minh (*theo Giấy chứng nhận kết hôn số 244, Quyển số 02 ngày 28/12/2013*). Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, ông Q nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với bà H , theo ông trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, bà H làm việc tại TP. Biên Hòa thường không về thăm nhà và không có ý định vun đắp cuộc sống gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã và kể từ năm 2015 đến nay thì ông bà và H sống ly thân với nhau. Qua xác minh tại địa phương được biết hiện nay bà H vẫn đang sống tại địa chỉ V, khu phố 1, phường T , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Từ đó, có cơ sở xác định hiện nay ông Q và bà H hai người đang sống ly thân với nhau là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng tuy địa phương không nắm rõ, nhưng qua việc ông Q và bà H tự sống ly thân, không ai chăm lo cuộc sống của ai, điều đó cũng cho thấy tình cảm vợ chồng không có sự gắn bó yêu thương, việc tồn tại quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà H cũng chỉ trên danh nghĩa mà thôi. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bà H để tham gia hòa giải, nhưng bà H vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay bà H vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ bà H đã tự bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ông Q , bà H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q , giải quyết cho ông Q được ly hôn với bà H để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Ông Q xác định tài sản chung, nợ chung không có. Tuy nhiên, do bà H vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6.] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Triệu Minh Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 131; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của ông Triệu Minh Q .

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Triệu Minh Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị H .

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông Triệu Minh Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 009853 ngày 05/12/2018.

5. Ông Triệu Minh Q và bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);

- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- UBND phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Dương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

(Đã ký)

Trần Văn Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA